TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 04 - 2023
"V/v ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Trường Hận
Ông: Nguyễn Công Trường

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 04 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 137/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về việc "Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 03 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Văn K, sinh năm 1968
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (có mặt);
- *Bị đơn:* Nguyễn Thị T, sinh năm 1970;
Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2023 và lời trình bày nguyên đơn có tại hồ sơ, thể hiện:

- Về hôn nhân: Anh K và chị T kết hôn với nhau vào năm 1990, khi cưới không đăng ký kết hôn (có xác nhận của UBND xã T ngày 02.02.2023), quá trình chung sống có 2 con chung, Nguyễn Thị N sinh năm 1990 và Nguyễn Vương L sinh năm 1994 các con đã trưởng thành.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, vợ chồng sống ly thân đã lâu không có thiện chí hàng gắn trở lại. Nay xét thấy không hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn với Nguyễn Thị T.

Về tài chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: các con đã trưởng thành.

Bị đơn Nguyễn Thị T: Tòa án đã triệu tập bị đơn 2 lần để xét xử nhưng bị đơn không có mặt, nên Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn, hơn nữa bị đơn cũng không có ý kiến phản hồi về việc nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về mối quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là *"Ly hôn "* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét về thẩm quyền của Tòa án:* Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện T, nội dung tranh chấp là việc *"Ly hôn ",* nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về thủ tục của Tòa án:* Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ 2 lần để xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không rỏ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[4] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Xét thấy anh K và chị T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1990 và đủ điều kiện kết hôn thì phải đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình và pháp luật về hộ tịch, nhưng anh K và chị T không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, do đó căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, không công nhận anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng là phù hợp.

[5] *Xét về con chung:* Quá trình chung sống anh K và chị T có 2 người con chung, hiện nay các con của anh K và chị T đã đủ tuổi trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Xét về tài sản chung và nợ chung:* Nguyên đơn xác định không có nợ chung và củng không có tài sản chung. Nhưng quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn không có mặt và củng không cung cấp tài liệu chứng cứ vì, nên chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Do đó tách phần tài sản chung và nợ chung ra khi nào bị đơn yêu cầu có căn cứ thì thụ lý giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[7] *Xét về án phí:* Anh K phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, là phù hợp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53, Luật Hôn nhân và gia đình; và khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Văn K.

Về hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh K phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, anh K đã dự nộp tạm ứng án phí trước 300.000 đồng theo biên lai số 0006234 ngày 24/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (gửi mail);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- UBND thị trấn Sông Đốc;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Từ Thanh Nhung